

CÔNG TY CỔ PHẦN PHỤ GIA NHỰA

Thôn Minh Quyết, Phường Xuân Quang, Thành phố Vinh Yên, Tỉnh Vĩnh Phúc

MỤC LỤC

BẢN SAO

NỘI DUNG

TRANG

BÁO CÁO CỦA BAN CHẤM ĐỐC

2-3

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

4

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

5-6

BÁO CÁO KẾT CẢM HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

7

BÁO CÁO LƯU CHỮ

8

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

9-31

CÔNG TY CỔ PHẦN PHỤ GIA NHỰA

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

CÔNG TY T.



MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	5 - 6
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	7
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	8
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	9 - 31

Bà Nguyễn Thị Thanh Hương Thành viên từ ngày 18/12/2017
Ông Trần Tuấn Nghĩa Thành viên từ ngày 18/12/2017
Ông Lê Thanh Hải Thành viên đến ngày 18/12/2017
Bà Nguyễn Thị Thanh Thành viên
Ban Giám đốc điều hành:
Ông Trần Dũng Cường Tổng Giám đốc từ ngày 18/12/2017
Bà Ngọc Hồi Thanh Tổng Giám đốc đến ngày 18/12/2017

Phụ trách kế toán Công ty trong năm 2017 và đến ngày lập báo cáo này là bà Trần Thị Việt Châu.

ĐẶC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN

Ban Giám đốc Công ty không phát hiện, không có sự kiện trọng yếu nào khác phát sinh sau ngày kết thúc niên độ kế toán, có ảnh hưởng trọng yếu, cần phải đưa thêm hoặc công bố trong Báo cáo tài chính kèm theo.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính kèm theo được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY.



CÔNG TY CỔ PHẦN PHỤ GIA NHỰA

Thôn Minh Quyết, Phường Khai Quang, Thành phố Vĩnh Yên, Tỉnh Vĩnh Phúc

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Phụ gia Nhựa (Sau đây gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính của Công ty đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc đã điều hành Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017 và cho đến ngày lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng Quản trị:

Ông Trần Đăng Công	Chủ tịch	
Ông Trần Đăng Phi	Thành viên	từ ngày 18/12/2017
Bà Nguyễn Thị Thanh Hương	Thành viên	từ ngày 18/12/2017
Ông Trần Tuấn Nghĩa	Thành viên	từ ngày 18/12/2017
Ông Lê Thanh Hải	Thành viên	đến ngày 18/12/2017
Bà Ngô Hoài Thanh	Thành viên	

Ban Giám đốc điều hành:

Ông Trần Đăng Công	Tổng Giám đốc	từ ngày 18/12/2017
Bà Ngô Hoài Thanh	Tổng Giám đốc	đến ngày 18/12/2017

Phụ trách kế toán Công ty trong năm 2017 và đến ngày lập báo cáo này là bà Trần Thị Việt Oanh.

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN

Ban Giám đốc Công ty khẳng định rằng, không có sự kiện quan trọng nào khác phát sinh sau ngày kết thúc niên độ kế toán, có ảnh hưởng trọng yếu, cần phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính kèm theo.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính kèm theo được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hàng năm phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không; và
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép phù hợp để phản ánh hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



Trần Đặng Công
Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc
Vĩnh Phúc, ngày 08 tháng 03 năm 2018

Thưa và kính chào quý vị! Báo cáo tài chính đã được kiểm tra trung thực và hợp lý, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Phụ gia Nhựa tại ngày 31/12/2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kể từ ngày này, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

(Faint signature and stamp area)

Phạm Văn Hải
Phó Tổng Giám đốc
GCN ĐKHNKT số 1391-2018-112-1
Thay mặt và đại diện
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN UHY
Hà Nội, ngày 08 tháng 03 năm 2018

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Phụ gia Nhựa

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Phụ gia Nhựa (sau đây gọi tắt là "Công ty") được lập ngày 08/03/2018 trình bày từ trang 05 đến trang 31 bao gồm: Bảng Cân đối kế toán tại ngày 31/12/2017, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.


Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Phụ gia Nhựa tại ngày 31/12/2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Phạm Gia Đạt
Phó Tổng Giám đốc
GCN ĐKHNKT số: 0798-2018-112-1

Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN UHY
Hà Nội, ngày 08 tháng 03 năm 2018


Nguyễn Văn Hải
Kiểm toán viên
GCN ĐKHNKT số: 1395-2018-112-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2017	01/01/2017
			VND	VND
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		49.557.859.367	21.526.581.225
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	7.450.602.498	1.151.095.301
Tiền	111		7.450.602.498	1.151.095.301
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		21.317.265.036	5.869.277.220
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5	20.808.041.155	5.808.282.918
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		312.609.250	55.994.302
Phải thu ngắn hạn khác	136	6	196.614.631	5.000.000
Hàng tồn kho	140		20.587.767.123	14.441.584.983
Hàng tồn kho	141	7	20.587.767.123	14.441.584.983
Tài sản ngắn hạn khác	150		202.224.710	64.623.721
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	8	86.640.733	36.472.040
Thuế GTGT được khấu trừ	152		115.583.977	28.151.681
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		11.837.298.739	12.387.351.361
Các khoản phải thu dài hạn	210		300.704.733	-
Phải thu dài hạn khác	216	6	300.704.733	-
Tài sản cố định	220		10.053.741.602	10.882.822.042
Tài sản cố định hữu hình	221	9	6.157.787.451	10.882.822.042
- Nguyên giá	222		15.006.104.823	19.105.904.823
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(8.848.317.372)	(8.223.082.781)
Tài sản cố định thuê tài chính	224	10	3.895.954.151	-
- Nguyên giá	225		4.205.660.606	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		(309.706.455)	-
Tài sản dở dang dài hạn	240		65.989.992	-
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		65.989.992	-
Tài sản dài hạn khác	260		1.416.862.412	1.504.529.319
Chi phí trả trước dài hạn	261	8	1.416.862.412	1.504.529.319
TỔNG TÀI SẢN	270		61.395.158.106	33.913.932.586

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2017	01/01/2017
			VND	VND
NỢ PHẢI TRẢ	300		27.699.360.402	19.289.711.555
Nợ ngắn hạn	310		26.928.420.335	16.687.437.663
Phải trả người bán ngắn hạn	311	11	12.682.996.602	8.009.567.459
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	12	431.698.982	78.280.050
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	14	139.030.504	-
Phải trả ngắn hạn khác	319	15	102.466.290	276.400
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	13	13.572.227.957	8.599.313.754
Nợ dài hạn	330		770.940.067	2.602.273.892
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	13	770.940.067	2.602.273.892
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		33.695.797.704	14.624.221.031
Vốn chủ sở hữu	410	16	33.695.797.704	14.624.221.031
Vốn góp của chủ sở hữu	411		33.000.000.000	16.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		33.000.000.000	16.000.000.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		695.797.704	(1.375.778.969)
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		(1.375.778.969)	(2.443.859.795)
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		2.071.576.673	1.068.080.826
TỔNG NGUỒN VỐN	440		61.395.158.106	33.913.932.586

Vĩnh Phúc, ngày 08 tháng 03 năm 2018

Chủ tịch HĐQT kiêm
Tổng Giám đốc



Trần Đăng Công

Phụ trách kế toán

Uanh

Trần Thị Việt Oanh

Người lập biểu

Nga

Nguyễn Thị Nga

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

Chỉ tiêu	Mã Thuyết số minh	Năm 2017	Năm 2016
		VND	VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01 17	85.794.359.587	73.360.163.650
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	85.794.359.587	73.360.163.650
Giá vốn hàng bán	11 18	79.937.771.488	69.305.212.463
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20	5.856.588.099	4.054.951.187
Doanh thu hoạt động tài chính	21	7.990.423	9.172.487
Chi phí tài chính	22 19	1.177.910.214	1.006.526.115
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23	1.174.545.956	1.006.526.115
Chi phí bán hàng	25 20	152.303.408	-
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26 20	1.908.333.485	1.872.903.350
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30	2.626.031.415	1.184.694.209
Thu nhập khác	31	7.001.085	12.500.000
Chi phí khác	32	34.849.327	14.355.381
Lợi nhuận khác	40	(27.848.242)	(1.855.381)
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50	2.598.183.173	1.182.838.828
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	526.606.500	114.758.002
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60	2.071.576.673	1.068.080.826
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70 21	1.248	668

Vinh Phúc, ngày 08 tháng 03 năm 2018

Chủ tịch HĐQT kiêm
 Tổng Giám đốc

Phụ trách kế toán

Người lập biểu



Trần Đặng Công



Trần Thị Việt Oanh

Nguyễn Thị Nga



CHỦ TỊCH

Các Thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính này

Nguyễn Trọng Nghĩa

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

Chi tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
Lợi nhuận trước thuế	01		2.598.183.173	1.182.838.828
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		1.668.086.086	1.846.710.185
(Lãi) hoạt động đầu tư	05		(204.268.796)	(9.172.487)
Chi phí lãi vay	06		1.174.545.956	1.006.526.115
Lợi nhuận kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		5.236.546.419	4.026.902.641
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(15.071.099.614)	(597.919.512)
Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(6.146.182.140)	(898.726.718)
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		19.000.700.632	7.246.838.024
Tăng, giảm chi phí trả trước	12		37.498.214	81.028.451
Tiền lãi vay đã trả	14		(1.174.545.956)	(1.006.526.115)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(164.165.520)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		1.718.752.035	8.851.596.771
Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(642.727.273)	(1.148.842.818)
Tiền thu lãi vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		7.990.423	9.172.487
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(634.736.850)	(1.139.670.331)
Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		5.000.000.000	-
Tiền thu từ đi vay	33		25.007.969.088	19.964.185.893
Tiền trả nợ gốc vay	34		(24.029.149.672)	(27.514.245.208)
Tiền chi trả nợ gốc thuê tài chính	35		(763.327.404)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		5.215.492.012	(7.550.059.315)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		6.299.507.197	161.867.125
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	4	1.151.095.301	989.228.176
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	4	7.450.602.498	1.151.095.301

Vĩnh Phúc, ngày 08 tháng 03 năm 2018



Trần Đăng Công

Phụ trách kế toán

Uanh

Trần Thị Việt Oanh

Người lập biểu

Nga

Nguyễn Thị Nga

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1 HÌNH THỨC SỞ HỮU VỐN

Công ty Cổ phần Phụ gia Nhựa (sau đây gọi tắt là "Công ty") hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty Cổ phần số 2500287403 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Vĩnh Phúc thay đổi lần 3 ngày 27/12/2017. Vốn điều lệ trên Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của Công ty là 33.000.000.000 đồng, chia thành 3.300.000 cổ phần với mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phần.

Trụ sở chính của Công ty hiện đặt tại Thôn Minh Quyết, Phường Khai Quang, Thành phố Vĩnh Yên, Tỉnh Vĩnh Phúc, Việt Nam.

Người đại diện theo pháp luật của Công ty là Ông Trần Đăng Công.

1.2 HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH CHÍNH

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh bao gồm:

- Sản xuất sản phẩm hóa chất khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Sản xuất các sản phẩm hóa chất khác;
- Sản xuất sơn, véc ni và các chất sơn, quét tương tự, sản xuất mực in và ma tít. Chi tiết: Sản xuất sơn, véc ni và các chất sơn, quét tương tự, sản xuất mực in và ma tít.
- Sản xuất sản phẩm khác từ cao su. Chi tiết: Sản xuất sản phẩm khác từ cao su;
- Sản xuất sản phẩm từ plastic;
- Mua bán máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác;
- Bán buôn tổng hợp;
- Vận tải hàng hóa đường bộ bằng ô tô. Chi tiết: Vận tải hàng hóa đường bộ bằng ô tô;
- Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu: Chi tiết: Hoạt động tư vấn đầu tư;
- Dịch vụ lưu giữ hàng hóa;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt và đường bộ
- Sản xuất mỹ phẩm, xà phòng, chất tẩy rửa, làm bóng và chế phẩm vệ sinh (trừ các loại Nhà nước cấm)
- Xử lý ô nhiễm và hoạt động quản lý chất thải khác
- Thoát nước và xử lý nước thải.

Đối với ngành nghề có điều kiện, Doanh nghiệp chỉ hoạt động sản xuất kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO VÀ KỶ KẾ TOÁN

2.1 CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính của Công ty được lập theo Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp.

2.2 KỶ KẾ TOÁN

Báo cáo tài chính kèm theo được lập cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017.

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là những chính sách kế toán quan trọng được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính này:

3.1 CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Công ty áp dụng Chuẩn mực và chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Quy định pháp lý có liên quan đến việc lập Báo cáo tài chính.

3.2 ƯỚC TÍNH KẾ TOÁN

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính (kỳ hoạt động). Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

3.3 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

Tiền mặt và các khoản tương đương tiền mặt bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn hoặc các khoản đầu tư có khả năng thanh khoản cao. Các khoản có khả năng thanh khoản cao là các khoản có khả năng chuyển đổi thành các khoản tiền mặt xác định trong thời gian không quá 03 tháng và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này.

3.4 CÁC KHOẢN PHẢI THU VÀ DỰ PHÒNG PHẢI THU KHÓ ĐÒI

Các khoản phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ và dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập phù hợp theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 và Thông tư sửa đổi bổ sung số 89/2013/TT-BTC ngày 28/06/2013 của Bộ Tài chính.

Sự tăng hoặc giảm khoản dự phòng phải thu khó đòi hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong năm.

CHỖ ĐÓNG CHỮ VÀ CHỮ KÝ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

3.5 HÀNG TỒN KHO

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm giá mua, chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung hoặc chi phí liên quan khác, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất...) của hàng tồn kho thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Sự tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trong năm.

Giá hàng xuất kho được tính theo phương pháp giá bình quân gia quyền tháng. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

3.6 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH VÀ HAO MÒN

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do các nhà thầu xây dựng bao gồm giá trị công trình hoàn thành bàn giao, các chi phí liên quan trực tiếp khác và lệ phí trước bạ, nếu có. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

Nhóm tài sản	Thời gian khấu hao (năm)
Nhà xưởng, vật kiến trúc	25
Máy móc, thiết bị	05 - 10
Phương tiện vận tải	10

3.7 CHI PHÍ ĐI VAY

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

3.8 GHI NHẬN DOANH THU, CHI PHÍ

Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi các rủi ro, lợi ích và quyền sở hữu hàng hóa được chuyển sang người mua; đồng thời đơn vị có thể xác định được các chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng. Thời điểm ghi nhận doanh thu thông thường trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa, dịch vụ, phát hành hóa đơn cho người mua và người mua chấp nhận thanh toán.

Doanh thu bán hàng xuất khẩu được ghi nhận khi Công ty hoàn thành thủ tục hải quan và kê khai xuất khẩu hàng hóa và hàng thực xuất khỏi cảng Việt Nam.

Doanh thu hoạt động tài chính là lợi nhuận được chia hàng năm (nếu có) từ các Doanh nghiệp mà Công ty tham gia góp vốn, lãi tiền gửi ngân hàng được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi ngân hàng và lãi suất áp dụng cho từng thời kỳ.

Chi phí sản xuất kinh doanh phát sinh, có liên quan đến việc hình thành doanh thu trong năm được tập hợp theo thực tế và ước tính đúng kỳ kế toán.

Giá vốn hàng hóa và dịch vụ khác được xác định trên cơ sở nguyên tắc phù hợp với doanh thu thực hiện trong kỳ kế toán.

3.9 THUẾ

Thuế thu nhập doanh nghiệp (nếu có) thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ. Thuế thu nhập doanh nghiệp được tính theo thuế suất có hiệu lực được áp dụng là 20% tính trên thu nhập chịu thuế.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

3.10 CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, các khoản tương đương tiền, các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn và dài hạn, các khoản phải thu ngắn hạn và dài hạn khác.

Nợ phải trả tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, chi phí phải trả, phải trả phải nộp khác và các khoản vay ngắn hạn, dài hạn.

Đánh giá lại sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ cho nhau trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận và Công ty có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

3.11 NGOẠI TỆ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá giao dịch thực tế áp dụng tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh từ các nghiệp vụ này sẽ được hạch toán vào doanh thu hoặc chi phí trong năm tài chính.

Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá hối đoái tại ngày này, cụ thể như sau:

- Tỷ giá sử dụng để quy đổi số dư các khoản mục tài sản tiền tệ là tỷ giá mua vào tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán của Ngân hàng Thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có phát sinh giao dịch. Các khoản tiền, phải thu ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi công ty mở tài khoản, ký quỹ.
- Tỷ giá sử dụng để quy đổi số dư các khoản phải trả tiền tệ là tỷ giá bán ra tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán của Ngân hàng Thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có phát sinh giao dịch.

Khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái do việc đánh giá lại số dư cuối năm sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm, số chênh lệch còn lại được hạch toán vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính trong năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

3.12 BÊN LIÊN QUAN

Một bên được coi là Bên liên quan của Công ty nếu có khả năng trực tiếp hoặc gián tiếp kiểm soát được hoặc có ảnh hưởng đáng kể đến Công ty trong việc ra quyết định về tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là Công ty hoặc cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của cá nhân được coi là liên quan.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Tiền mặt	2.791.146.427	32.105.522
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	4.659.456.071	1.118.989.779
	7.450.602.498	1.151.095.301

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)***5. PHẢI THU KHÁCH HÀNG**

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Phải thu của khách hàng ngắn hạn	20.808.041.155	-	5.808.282.918	-
- Công ty TNHH Hoá Chất Hồng Phát	8.246.051.175	-	4.847.092.425	-
- Công ty CP Đầu tư thương mại và Dịch vụ Vạn Lộc Phát	6.294.145.000	-	-	-
- Công ty CP XNK Chuyên Gia lao động và kỹ thuật IMS	5.175.500.000	-	-	-
- Công ty CP Hoá Chất Thăng Long	308.000.000	-	238.000.000	-
- Các khoản phải thu khách hàng khác	784.344.980	-	723.190.493	-
Phải thu khách hàng là bên liên quan	14.848.196.175	-	5.085.092.425	-
- Công ty TNHH Hoá Chất Hồng Phát	8.246.051.175	-	4.847.092.425	-
- Công ty CP Hoá Chất Thăng Long	308.000.000	-	238.000.000	-
- Công ty CP Đầu tư thương mại và Dịch vụ Vạn Lộc Phát	6.294.145.000	-	-	-

6. PHẢI THU KHÁC

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Ngắn hạn	196.614.631	-	5.000.000	-
- Công ty cho thuê tài chính TNHH MTV quốc tế Chailease - CN Hà Nội	196.614.631	-	-	-
- Phải thu khác	-	-	5.000.000	-
Dài hạn	300.704.733	-	-	-
- Ký cược, ký quỹ	300.704.733	-	-	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

7. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	15.550.784.715	-	9.509.709.854	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	-	-	484.895.388	-
Thành phẩm	5.036.982.408	-	4.446.979.741	-
	20.587.767.123	-	14.441.584.983	-

8. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Ngắn hạn	86.640.733	36.472.040
- Công cụ, dụng cụ xuất dùng	25.748.570	14.972.731
- Chi phí mua bảo hiểm	30.447.370	10.296.539
- Các khoản khác	30.444.793	11.202.770
Dài hạn	1.416.862.412	1.504.529.319
- Chi phí đền bù xây dựng	1.317.840.241	1.349.982.685
- Công cụ, dụng cụ xuất dùng	55.545.092	132.324.412
- Các khoản khác	43.477.079	22.222.222
	1.503.503.145	1.541.001.359

9. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Cộng
	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ				
01/01/2017	6.625.403.019	11.971.130.895	509.370.909	19.105.904.823
- Mua trong năm	-	642.727.273	-	642.727.273
- Thanh lý, nhượng bán	-	(4.742.527.273)	-	(4.742.527.273)
31/12/2017	6.625.403.019	7.871.330.895	509.370.909	15.006.104.823
HAO MÒN LŨY KẾ				
01/01/2017	1.362.699.806	6.686.796.911	173.586.064	8.223.082.781
- Khấu hao trong năm	265.016.112	1.042.426.423	50.937.096	1.358.379.631
- Thanh lý, nhượng bán	-	(733.145.040)	-	(733.145.040)
31/12/2017	1.627.715.918	6.996.078.294	224.523.160	8.848.317.372
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
01/01/2017	5.262.703.213	5.284.333.984	335.784.845	10.882.822.042
31/12/2017	4.997.687.101	875.252.601	284.847.749	6.157.787.451

Tại ngày 31/12/2017:

- Nguyên giá tài sản cố định đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng: 5.374.030.670 đồng.
- Giá trị còn lại của TSCĐ hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 6.157.787.451 đồng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

10. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH THUÊ TÀI CHÍNH

	Máy móc thiết bị	Cộng
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
NGUYÊN GIÁ		
01/01/2017	-	-
- Thuê tài chính trong năm	4.205.660.606	4.205.660.606
31/12/2017	<u>4.205.660.606</u>	<u>4.205.660.606</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN		
01/01/2017	-	-
- Khấu hao trong năm	309.706.455	309.706.455
31/12/2017	<u>309.706.455</u>	<u>309.706.455</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
01/01/2017	-	-
31/12/2017	<u>3.895.954.151</u>	<u>3.895.954.151</u>

- Tiền thuê phát sinh thêm được ghi nhận là chi phí trong năm: 57.247.869 đồng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

11. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Các khoản phải trả người bán ngắn hạn	12.682.996.602	12.682.996.602	8.009.567.459	8.009.567.459
- Công ty TNHH Hóa chất Hồng Phát	9.586.455.547	9.586.455.547	3.126.791.831	3.126.791.831
- Công ty CP Đầu tư Thương mại và Dịch vụ Vạn Lộc Phát	1.440.520.000	1.440.520.000	3.870.063.000	3.870.063.000
- Công ty CP Hoá Chất Thăng Long	-	-	587.186.600	587.186.600
- Đối tượng khác	1.656.021.055	1.656.021.055	425.526.028	425.526.028
Phải trả người bán là các bên liên quan	11.026.975.547	11.026.975.547	7.584.041.431	7.584.041.431
- Công ty TNHH Hóa chất Hồng Phát	9.586.455.547	9.586.455.547	3.126.791.831	3.126.791.831
- Công ty CP Đầu tư Thương mại và Dịch vụ Vạn Lộc Phát	1.440.520.000	1.440.520.000	3.870.063.000	3.870.063.000
- Công ty CP Hoá Chất Thăng Long	-	-	587.186.600	587.186.600



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

12. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP/PHẢI THU NHÀ NƯỚC

	01/01/2017	Số phải nộp trong năm VND	Số đã thực nộp trong năm VND	31/12/2017
	VND	VND	VND	VND
Thuế và các khoản phải nộp				
- Thuế giá trị gia tăng phải nộp	-	119.534.071	119.534.071	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	67.758.002	526.606.500	164.165.520	430.198.982
- Thuế thu nhập cá nhân	4.500.000	19.500.000	22.500.000	1.500.000
- Thuế nhà đất, tiền thuế đất	-	170.907.768	170.907.768	-
- Các loại thuế khác	-	3.000.000	3.000.000	-
- Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	6.022.048	-	6.022.048	-
	78.280.050	839.548.339	486.129.407	431.698.982

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)***13. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH**

Nội dung	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm
	VND	VND	VND	VND
Vay ngắn hạn	13.572.227.957	13.572.227.957	26.534.623.896	8.599.313.754
- Vay ngắn hạn VND Ngân hàng TMCP Công thương Chi nhánh Vĩnh Phúc (1)	8.687.751.917	8.687.751.917	20.050.047.856	8.599.313.754
- Vay ngắn hạn VND Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng (2)	2.999.172.568	2.999.172.568	4.599.272.568	-
- Vay dài hạn đến hạn trả Ngân hàng TMCP Công thương Chi nhánh Vĩnh Phúc (3)	358.648.664	358.648.664	358.648.664	-
- Công ty cho thuê tài chính TNHH MTV Quốc tế Chailease - CN Hà Nội (4)	1.526.654.808	1.526.654.808	1.526.654.808	-
Vay dài hạn	770.940.067	770.940.067	4.626.226.666	2.602.273.892
- Vay dài hạn VND Ngân hàng TMCP Công thương Chi nhánh Vĩnh Phúc (3)	134.833.913	134.833.913	-	2.602.273.892
- Công ty cho thuê tài chính TNHH MTV Quốc tế Chailease - CN Hà Nội (4)	636.106.154	636.106.154	4.626.226.666	-
	14.343.168.024	14.343.168.024	31.160.850.562	11.201.587.646
			28.019.270.184	11.201.587.646



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

13. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH (TIẾP)

- (1) Theo hợp đồng tín dụng số 36.26858/2017/HDCVHM/NHCT246/PGN ngày 14/06/2017 giữa Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Vĩnh Phúc và Công ty Cổ phần Phụ gia nhựa với hạn mức tín dụng là 16 tỷ đồng. Thời hạn cho vay kể từ ngày 14/06/2017 đến ngày 14/06/2018, lãi suất thả nổi, mục đích sử dụng để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh của Công ty. Tài sản bảo đảm bao gồm:
- + Hợp đồng thế chấp số 10520401/HĐTC ngày 04/01/2010. Trị giá hợp đồng 3.660 triệu đồng, đảm bảo cho mức dư nợ cho vay/bảo lãnh tối đa 2.562 triệu đồng, trong đó đảm bảo cho Hợp đồng này là 460 triệu đồng.
 - + Hợp đồng thế chấp số 13.68.13395.02/HĐTC ngày 24/04/2013 tài sản thế chấp bao gồm: Ô tô con nhãn hiệu Honda CR-V loại 2.4 AT RE3, BKS: 30S-4245, Các thiết bị, linh kiện, phụ tùng, phụ kiện, thiết bị liên lạc, thiết bị định vị và các thiết bị khác được lắp đặt cho và gắn liền vào tài sản nêu tại điểm (a) Khoản này trước và trong thời hạn hiệu lực của Hợp đồng này. Giá trị tài sản thế chấp là 800 triệu đồng.
 - + Hợp đồng thế chấp số 14.68.13395.01/HĐTC ngày 14/01/2014 tài sản thế chấp của bên thứ 03 ông Trần Đăng Phi;
 - + Hợp đồng thế chấp tài sản số 11561410/HĐTC ngày 18/10/2011. Trị giá hợp đồng 3.392 triệu đồng, đảm bảo cho mức dư nợ cho vay/bảo lãnh tối đa 1.017.600.000 đồng, trong đó đảm bảo cho hợp đồng này là 323 triệu đồng.
 - + Hợp đồng thế chấp số 001.300113395.2016/HĐTC ngày 14/04/2016 là xe ô tô tải nhãn hiệu Suzuki thuộc sở hữu của Công ty Cổ phần Phụ gia nhựa. Giá trị của tài sản thế chấp theo biên bản định giá là: 295 triệu đồng.
- (2) Theo hợp đồng cho vay hạn mức thấu chi tài khoản số 140917-3996349-01-SME ngày 15/09/2017 giữa Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng và Công ty Cổ phần Phụ gia nhựa với hạn mức thấu chi 3 tỷ đồng, thời hạn vay là 12 tháng tính từ ngày 15/09/2017, lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm ký hợp đồng này 15,5%/năm, mức lãi suất này được áp dụng để tính lãi với một năm là 360 ngày. Mục đích sử dụng vốn vay bổ sung vốn lưu động (phần thiếu hụt tạm thời) phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Bên vay, cụ thể: Bổ sung Vốn lưu động thường xuyên để phục vụ hoạt động sản xuất, kinh doanh hóa chất - phụ gia nhựa các loại. Tài sản bảo đảm bao gồm:
- + Bảo lãnh của ông Trần Đăng Công;
 - + Các biện pháp, tài sản bảo đảm khác theo thỏa thuận giữa Bên Ngân hàng với Bên vay và/hoặc Bên thứ ba (nếu có)
- Chi tiết về các biện pháp và tài sản bảo đảm được thỏa thuận cụ thể trong các tài liệu được ký kết giữa Bên Ngân hàng với Bên vay và/hoặc các Bên liên quan: Hợp đồng bảo đảm (bảo lãnh) số 140917-399639-01-SME-HĐBL ký ngày 15/09/2017, hợp đồng bảo đảm ký trước, trong và sau ngày phát sinh hiệu lực của Hợp đồng này; và các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế các Hợp đồng bảo đảm nêu trên.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

13. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (TIẾP)

- (3) Là khoản vay dài hạn giữa Công ty Cổ phần Phụ gia nhựa và Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam theo các hợp đồng tín dụng sau:
- Theo hợp đồng tín dụng số 002.26858/2016-HĐTDDA/NHCT246 – CTCP PGN tháng 04 năm 2016 giữa Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Vĩnh Phúc (viết tắt là “Vietin Bank - Chi nhánh Vĩnh Phúc”) và Công ty Cổ phần Phụ gia nhựa. Tùy thuộc vào các điều khoản và điều kiện của Hợp đồng này, Vietin Bank - Chi nhánh Vĩnh Phúc cam kết cho Công ty Cổ phần Phụ gia nhựa với hạn mức cho vay là 206 triệu đồng (thời hạn cho vay là 36 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Lãi suất cho vay của khoản nợ là lãi suất được ghi trên từng Giấy nhận nợ. Lãi suất cho vay tại thời điểm ký Hợp đồng là 10,5%/năm và chỉ có giá trị cho kỳ lãi tính lãi đầu tiên với những khoản giải ngân phát sinh tại ngày ký Hợp đồng. Mục đích sử dụng để thanh toán chi phí mua 01 xe ô tô tải Suzuki Super Carry Pro. Tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp số 001.300113395.2016/HĐTC ngày 14/04/2016 là xe ô tô tải nhãn hiệu Suzuki thuộc sở hữu của Công ty Cổ phần Phụ gia nhựa. Giá trị của tài sản thế chấp theo biên bản định giá là: 295 triệu đồng.
 - Hợp đồng tín dụng số 026.26858/2015 - HĐTDDA/NHCT246 - CT CP PGN ngày 13/08/2015 giữa Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Vĩnh Phúc (viết tắt là “Vietin Bank - Chi nhánh Vĩnh Phúc”) với hạn mức tín dụng là 585 triệu đồng, thời hạn cho vay là 36 tháng, lãi suất cho vay tại thời điểm ký hợp đồng là 10.5%/năm và chỉ có giá trị cho kỳ tính lãi đầu tiên đối với những khoản giải ngân tại ngày ký hợp đồng và được điều chỉnh 03 tháng một lần. Mục đích cho vay thanh toán chi phí đầu tư hợp pháp của Dự án; Xây dựng mở rộng nhà kho phục vụ sản xuất kinh doanh.
 - Hợp đồng tín dụng số 001.113395/2015-HĐTDDA/NHCT246 - CT CP PGN tháng 01/2015 giữa Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Vĩnh Phúc (viết tắt là “Vietin Bank - Chi nhánh Vĩnh Phúc”) với hạn mức tín dụng là: 1.176.000.000 đồng, thời hạn cho vay 60 tháng kể từ Ngày Giải ngân đầu tiên, lãi suất cho vay tại thời điểm ký hợp đồng là 10.5%/năm và chỉ có giá trị cho kỳ tính lãi đầu tiên đối với những khoản giải ngân tại ngày ký hợp đồng và được điều chỉnh 03 tháng một lần. Mục đích cho vay thanh toán tiền mua máy móc, thiết bị dây chuyền sản xuất kem stearat phục vụ sản xuất kinh doanh. Hợp đồng tài sản thế chấp bao gồm:
 - + Hợp đồng thế chấp tài sản số 11561410/HĐTC ngày 18/10/2011. Trị giá hợp đồng 3.392 triệu đồng, đảm bảo cho mức dư nợ cho vay/bảo lãnh tối đa 1.017.600.000 đồng, trong đó đảm bảo cho hợp đồng này là 323 triệu đồng.
 - + Hợp đồng thế chấp tài sản số 10520401/HĐTC ngày 04/01/2010. Trị giá hợp đồng 3.660 triệu đồng, đảm bảo cho mức dư nợ cho vay/bảo lãnh tối đa 2.562 triệu đồng, trong đó đảm bảo cho Hợp đồng này là 460 triệu đồng.

- (4) Trong năm, Công ty đã bán và thuê lại các tài sản theo các hợp đồng thuê tài chính số C170623412, số C170521512, C170604013 ngày 27/06/2017 và các tài sản thuê bao gồm: Máy cán xốp EVA trục cán 410 mm * 1050 mm chạy hộp số, hệ thống máy tái chế nhựa, máy xốp, xe nâng với giá trị thuê lần lượt là: 268.620.000 đồng, 2.586.689.600 đồng, 198.000.000 đồng.

(Handwritten signature and red stamp)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

14. DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Ngắn hạn	139.030.504	
Chênh lệch giá bán TSCĐ cao hơn giá trị còn lại thuê tài chính	139.030.504	-
	139.030.504	-

15. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Ngắn hạn	102.466.290	276.400
- Tài sản thừa chờ giải quyết	-	-
- Kinh phí công đoàn	59.588.518	-
- Bảo hiểm xã hội	34.640.016	-
- Bảo hiểm y tế	5.520.892	-
- Bảo hiểm thất nghiệp	2.716.864	-
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	-	276.400
+ Các khoản phải trả, phải nộp khác		276.400

CÔNG TY CỔ PHẦN PHỤ GIA NHỰA
 01/01/2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

16. VỐN CHỦ SỞ HỮU**16.1 BẢNG ĐỐI CHIẾU BIẾN ĐỘNG CỦA VỐN CHỦ SỞ HỮU**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
01/01/2016	16.000.000.000	(2.443.859.795)	13.556.140.205
- Lãi trong năm trước	-	1.068.080.826	1.068.080.826
31/12/2016	16.000.000.000	(1.375.778.969)	14.624.221.031
01/01/2017	16.000.000.000	(1.375.778.969)	14.624.221.031
- Tăng vốn trong năm nay	17.000.000.000	-	17.000.000.000
- Lãi trong năm nay	-	2.071.576.673	2.071.576.673
31/12/2017	33.000.000.000	695.797.704	33.695.797.704

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

16.2 CHI TIẾT VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
- Công ty TNHH Hóa chất Hồng Phát	14.000.000.000	2.000.000.000
- Ông Trần Đăng Công	10.400.000.000	10.400.000.000
- Ông Lê Nguyễn Thanh Hải	2.000.000.000	2.000.000.000
- Bà Ngô Hoài Thanh	1.600.000.000	1.600.000.000
- Công ty Cổ phần Công nghệ và Thương mại Thiên An	5.000.000.000	-
	33.000.000.000	16.000.000.000

16.3 CÁC GIAO DỊCH VỀ VỐN VỚI CÁC CHỦ SỞ HỮU

	31/12/2016	01/01/2017
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	16.000.000.000	16.000.000.000
+ Vốn góp tăng trong năm	17.000.000.000	-
+ Vốn góp giảm trong năm	-	-
+ Vốn góp cuối năm	33.000.000.000	16.000.000.000

16.4 CỔ PHIẾU

	31/12/2017	01/01/2017
	CP	CP
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	3.300.000	1.600.000
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	3.300.000	1.600.000
+ Cổ phiếu phổ thông	3.300.000	1.600.000
- Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	3.300.000	1.600.000
+ Cổ phiếu phổ thông	3.300.000	1.600.000
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
* Mệnh giá cổ phiếu (VND/Cổ phiếu)	10.000	10.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

17. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Doanh thu	85.794.359.587	73.360.163.650
- Doanh thu bán hàng	82.990.987.038	71.091.319.203
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	2.803.372.549	2.268.844.447
Doanh thu với các bên liên quan	50.993.870.265	46.416.265.076
- Công ty TNHH Hoá Chất Hồng Phát	37.949.341.038	34.907.802.375
- Công ty CP Đầu tư Thương mại và Dịch vụ Vạn Lộc Phát	7.439.350.000	9.026.775.428
- Công ty CP Hoá Chất Thăng Long	5.605.179.227	2.481.687.273

18. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
- Giá vốn của hàng hóa đã bán	79.148.124.661	68.691.646.671
- Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	789.646.827	613.565.792
	79.937.771.488	69.305.212.463

19. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
- Chi phí lãi vay	1.174.545.956	1.006.526.115
- Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh	3.364.258	-
	1.177.910.214	1.006.526.115

20. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
a Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp	1.908.333.485	1.872.903.350
- Chi phí nhân viên quản lý	1.047.418.756	1.118.301.385
- Chi phí đồ dùng văn phòng	28.715.569	201.888.686
- Thuế phí, lệ phí	64.524.250	3.000.000
- Chi phí khấu hao TSCĐ	376.445.453	37.414.806
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	339.280.971	483.389.046
- Chi phí quản lý khác	51.948.486	28.909.427
b. Các khoản chi phí bán hàng	152.303.408	-
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	145.328.341	-
- Chi phí bán hàng khác	6.975.067	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

21. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm 2017	Năm 2016
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	2.071.576.673	1.068.080.826
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu đang lưu hành trong năm (CP)	1.659.726	1.600.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/CP)	1.248	668

22. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Quản lí rủi ro vốn

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng công ty vừa có thể hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ đã trình bày tại Bảng cân đối kế toán, phần vốn thuộc sở hữu của cổ đông Công ty bao gồm vốn góp, quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp kế toán mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu được trình bày tại Thuyết minh số 3.10

Các loại công cụ tài chính

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	7.450.602.498	1.151.095.301
Phải thu khách hàng và phải thu khác	21.305.360.519	5.813.282.918
Cộng	28.755.963.017	6.964.378.219
	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Vay và nợ	14.343.168.024	11.201.587.646
Phải trả người bán và phải trả khác	12.742.585.120	8.009.843.859
Cộng	27.085.753.144	19.211.431.505
Trạng thái ròng	1.670.209.873	(12.247.053.286)

Tại ngày 31/12/2017 Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và Nợ phải trả tài chính do Thông tư 210 cũng như các qui định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc này. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và Thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả giá trị hợp lý nhằm phù hợp với Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất, rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Ban Giám đốc chịu trách nhiệm chung đối với việc thiết lập và vận hành các chính sách nhằm kiểm soát rủi ro (phát hiện, ngăn ngừa và hạn chế ảnh hưởng của các rủi ro).

Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá, lãi suất, giá hàng hóa và rủi ro về giá khác như giá cổ phần. Mục tiêu của việc quản lý rủi ro thị trường là quản lý và kiểm soát mức độ rủi ro trong giới hạn chấp nhận được trong khi vẫn tối đa hóa lợi nhuận.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Công ty đã thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Công ty chưa thực hiện biện pháp đảm bảo rủi ro do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro trọng yếu về lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Công ty chịu rủi ro lãi suất khi vay vốn với lãi suất thả nổi và lãi suất cố định. Rủi ro này được Công ty quản lý bằng cách duy trì một tỷ lệ hợp lý giữa các khoản vay với lãi suất cố định và các khoản vay với lãi suất thả nổi.

Quản lý rủi ro về giá

Công ty có rủi ro về giá hàng hóa do thực hiện mua một số loại hàng hóa nhất định. Công ty quản lý rủi ro về giá hàng hóa thông qua việc theo dõi chặt chẽ các thông tin thị trường hàng hóa nhằm quản lý thời điểm mua hàng, kế hoạch kinh doanh và mức hàng tồn kho một cách hợp lý. Công ty chưa sử dụng các công cụ phái sinh đảm bảo để phòng ngừa các rủi ro về giá hàng hóa.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các khoản nợ phải trả tài chính theo thời hạn thanh toán. Số liệu trình bày trên cơ sở dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả, bao gồm các khoản gốc và tiền lãi (nếu có).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

	Dưới 1 năm VND	Từ 1-5 năm VND	Tổng VND
31/12/2017			
Vay và nợ	13.572.227.957	770.940.067	14.343.168.024
Phải trả người bán và phải trả khác	12.742.585.120	-	12.742.585.120
Cộng	26.314.813.077	770.940.067	27.085.753.144
01/01/2017			
Vay và nợ	8.599.313.754	2.602.273.892	11.201.587.646
Phải trả người bán và phải trả khác	8.009.843.859	-	8.009.843.859
Cộng	16.609.157.613	2.602.273.892	19.211.431.505

Bảng sau đây trình bày chi tiết các khoản tài sản tài chính còn lại theo thời gian thanh toán theo hợp đồng đến ngày lập bảng cân đối kế toán. Số liệu trong bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu.

	Dưới 1 năm VND	Từ 1-5 năm VND	Tổng VND
31/12/2017			
Tiền và các khoản tương đương tiền	7.450.602.498	-	7.450.602.498
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	-	-	-
Phải thu khách hàng và phải thu khác	21.004.655.786	300.704.733	21.305.360.519
Cộng	28.455.258.284	300.704.733	28.755.963.017
01/01/2017			
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.151.095.301	-	1.151.095.301
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	-	-	-
Phải thu khách hàng và phải thu khác	5.813.282.918	-	5.813.282.918
Cộng	6.964.378.219	-	6.964.378.219

Ban Giám đốc đánh giá mức độ tập trung rủi ro thanh khoản ở mức bình thường. Ban Giám đốc Công ty tin tưởng có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Quản lý rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính không thực hiện các nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty quản lý rủi ro tín dụng từ các hoạt động sản xuất kinh doanh của mình (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) Đối với các khoản phải thu, Ban Giám đốc thiết lập chính sách tín dụng cụ thể thông qua việc phân tích tín nhiệm với các khách hàng, tuổi nợ, ngày thu nợ, cập nhật đánh giá khách hàng, các điều khoản thanh toán trong hợp đồng để có những biện pháp xử lý kịp thời.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

23. THÔNG TIN KHÁC

23.1. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
- Mua tài sản bằng cách nhận các khoản nợ liên quan trực tiếp hoặc thông qua nghiệp vụ cho thuê tài chính	4.205.660.606	-
- Chuyển nợ thành vốn chủ sở hữu	12.000.000.000	-
- Số tiền đã thực trả gốc vay trong năm	24.007.969.088	19.964.185.893
- Số tiền đã thực trả gốc vay trong năm	23.029.149.672	27.514.245.208

23.2 THÔNG TIN VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Mối quan hệ của Công ty với các bên liên quan có phát sinh giao dịch trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017 như sau:

STT Bên liên quan	Mối quan hệ
1 Công Ty TNHH Hoá Chất Hồng Phát	Cổ đông lớn, người đại diện pháp luật của Công ty là Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc của Công ty Cổ phần Phụ gia nhựa
2 Công ty TNHH Hóa chất Thăng Long	Chủ tịch HĐQT Công ty là Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Phụ gia nhựa
3 Công ty CP Đầu tư Thương mại và Dịch vụ Vạn Lộc Phát	Chủ tịch Hội đồng Quản trị kiêm Tổng Giám đốc của Công ty CP Phụ gia nhựa là thành viên HĐQT của Công ty CP Đầu tư Thương mại và Dịch vụ Vạn Lộc Phát
4 Ông Trần Đăng Công	Chủ tịch Hội đồng Quản trị kiêm Tổng Giám đốc

Giao dịch với các bên liên quan

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Doanh thu với các bên liên quan	50.993.870.265	46.416.265.076
Công Ty TNHH Hoá Chất Hồng Phát	37.949.341.038	34.907.802.375
Công ty CP Hoá Chất Thăng Long	5.605.179.227	2.481.687.273
Công ty CP Đầu tư Thương mại và Dịch vụ Vạn Lộc Phát	7.439.350.000	9.026.775.428
Mua hàng từ các bên liên quan	74.482.195.297	66.216.334.137
Công Ty TNHH Hoá Chất Hồng Phát	29.078.887.770	49.506.548.819
Công ty CP Đầu tư Thương mại và Dịch vụ Vạn Lộc Phát	42.892.540.909	14.583.049.091
Công ty TNHH Hóa chất Thăng Long	2.510.766.618	2.126.736.227

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

23. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP)

23.2 THÔNG TIN VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP)

Số dư với các bên liên quan

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Phải thu khách hàng	14.848.196.175	5.085.092.425
Công Ty TNHH Hoá Chất Hồng Phát	8.246.051.175	4.847.092.425
Công ty CP Hoá Chất Thăng Long	308.000.000	238.000.000
Công ty CP Đầu tư Thương mại và Dịch vụ Vạn Lộc Phát	6.294.145.000	-
Phải trả người bán	11.026.975.547	7.584.041.431
Công ty TNHH Hóa chất Hồng Phát	9.586.455.547	3.126.791.831
Công ty CP Đầu tư Thương mại và Dịch vụ Vạn Lộc Phát	1.440.520.000	3.870.063.000
Công ty CP Hoá Chất Thăng Long	-	587.186.600

24. THÔNG TIN SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016 của Công ty đã được kiểm toán.

Vinh Phúc, ngày 08 tháng 03 năm 2018

Chủ tịch HĐQT kiêm
Tổng Giám đốc

Phụ trách kế toán

Người lập biểu



Trần Đặng Công

Trần Thị Việt Oanh

Nga

Nguyễn Thị Nga

